| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 8/2019/HNGĐ – ST
Ngày 01 - 4 - 2019
V/v "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Thành Tựu
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Đồng Phước Tài
2. Nguyễn Tấn Phong

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Trí – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long***: Không thuộc trường hợp tham dự phiên tòa.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 24/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1990 (có mặt)
ĐKHKTT: Tổ 05, ấp TV, xã TQ, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

* Bị đơn: Chị Trần Thị Bích N, sinh năm 1989 (xin vắng mặt)
ĐKHKTT: Tổ 7, ấp TĐ, xã TQ, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản khai đề ngày 20/02/2019 và biên bản hòa giải ngày 06/3/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Trần Văn Ph trình bày:*

Vào năm 2016, anh P và chị N cưới nhau, hôn nhân do mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Nữ trang ngày cưới gồm: 01 đôi bông hoa tai, 01 sợi dây chuyền, 01 lắc, tổng cộng 10 chỉ vàng 24k, số số nữ trang này vợ chồng đã bán để tiêu xài hết nay không còn. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện BT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/3/2016.

Sau khi cưới anh chị về sống chung bên gia đình anh P tại tổ 5, ấp TV, xã TQ, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Anh chị sống hạnh phúc được 03 năm, anh chị không có con chung.

Trong thời gian chung sống anh chị không tạo lập ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng anh chị.

Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống với nhau trong cuộc sống, do đời sống kinh tế, tiền bạc trong gia đình gặp nhiều khó khăn từ đó vợ chồng thường hay gây gỗ, cự cải với nhau đến mức trầm trọng. Anh chị đã cố gắn khuyên bảo lẫn nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng điều không được dẫn đến đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh chị đã ly thân với nhau từ ngày 02/01/2019 (âm lịch) cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh P yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Anh xin được ly hôn chị Trần Thị BN.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Chưa tranh chấp, nên chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 06/3/2019 bị đơn chị Trần Thị BN trình bày*:

Chị N thống nhất với lời trình bày của anh P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, thời gian ly thân là đúng, còn về mâu thuẫn gia đình là chị không đồng ý, vì chị và anh P chẳng có mâu thuẫn gì cả, chị cũng chẳng biết lý do vì sao mà anh P xin ly hôn với chị, hiện tại chị vẫn còn tình cảm với anh Phúc nên chị không đồng ý ly hôn và chị yêu cầu đoàn tụ.

Trước sự việc anh P xin ly hôn với chị thì chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị không đồng ý ly hôn với anh P, chị yêu cầu đoàn tụ.

Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại tờ tường trình ngày 26/3/2019 Trần Thị BN trình bày ý kiến:*

Về quan hệ hôn nhân: chị đồng ý ly hôn với anh P.

Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, vợ chồng đã ly thân từ ngày 02/01/2019 (âm lịch) cho đến nay, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, anh chị thường hay cãi nhau, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng nên không thể hàn gắn nên nay anh xin ly hôn với chị N. Về con chung: không có con chung. Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): Chưa tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Văn P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết được ly hôn với chị Trần Thị Bích N, chị Ng có nơi cư trú tại tổ 7, ấp TĐ, xã TQ, huyện BT, tỉnh VL nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh VL được quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử: Chị Trần Thị BN có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[3] Về nội dung: Anh Trần Văn P và chị Trần Thị Bích N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét giữa anh P và chị N trong quá trình chung sống mâu thuẫn xảy ra kéo dài nhiều năm, anh P cũng thừa nhận là anh không còn tình cảm gì với chị N, vợ chồng đã ly thân từ ngày 02/01/2019 (âm lịch) cho đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, chị N xác định không còn tình cảm với anh P nên chị N đã đồng ý ly hôn cùng anh P. Vì vậy căn cứ theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh P và chị N.

[3] Về con chung: Anh P và chị N đều thừa nhận và xác định anh chị không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản: Anh P và chị N thống nhất chưa tranh chấp, chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh Trần Văn P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn P và chị Trần Thị BN.

1.2. Về con chung: Không có nên không xem xét.

1.3. Về quan hệ tài sản: Anh Trần Văn P và chị Trần Thị BN chưa tranh chấp và chưa yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án: Buộc Anh Trần Văn P phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, anh P được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo lai thu số N₀ 0015324 ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Anh Trần Văn P không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai có mặt nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi bị đơn có đăng ký thường trú.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- Chi cục THAH Bình Tân 01;
- UBND xã Tân Quới (h. Bình Tân, VL);
- Các đương sự 02;
- Lưu 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phạm Thành Tựu**